TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2019/DS-ST
Ngày: 28/8/2019
V/v tranh chấp: "Yêu cầu chia thừa kế và đòi tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tám**
2. Ông **Lê Văn Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2018/TLST-DS ngày 07/3/2018 về việc tranh chấp "Yêu cầu chia thừa kế và đòi tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2019/QĐXXST-DS ngày 15/72019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị V**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1975. (Có mặt) (Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2019)

Địa chỉ: Số 165, đường P, khu phố 8, phường Đ, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: - Ông **Lê Văn N1**, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị **Huỳnh Kim N2**, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã U, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông **Lê Văn Y**, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 03, xã R, huyện Z, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Lê Văn Q**, sinh năm 1961 (Chết ngày 20/7/2017)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Q:

+ Bà **Đặng Thị H**, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

+ Chị **Lê Thị S**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

+ Chị **Lê Huệ T1**, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

+ Chị **Lê Thị T2**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

+ Chị **Lê Thị Cẩm G**, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

+ Anh **Lê Trung F**, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị V trình bày:

Ông Nguyễn Văn J, sinh năm 1957 có phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông J đứng tên thửa số 31, tờ bản đồ ATDC8, diện tích 51,1m^2, mục đích sử dụng: ONT, do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ CH00041, số phát hành BA 280507, gắn liền với phần đất có căn nhà ngang 04m, dài 10m nền lót gạch tàu, vách tường chưa tô xi măng, mái lợp tole, tọa lạc tại tổ 03, ấp O, xã E, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ngày 22/8/2017, ông J chết. Vợ ông J tên Nguyễn Thị M, bà M chết ngày 28/02/2014, ông J và bà M không có con. Ông J chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của ông J không còn.

Hàng thừa kế thứ hai của ông J gồm: Lê Văn Y, sinh năm 1954; Lê Văn Q, sinh năm 1961 (Chết có vợ là Đặng Thị H và 05 người con gồm Lê Thị S, sinh năm 1983, Lê Huệ T1, sinh năm 1988, Lê Thị T2, sinh năm 1990, Lê Thị Cẩm G, sinh năm 1993 và Lê Trung F, sinh năm 1996); Lê Thị V, sinh năm 1962 và Lê Văn N1, sinh năm 1967. Như vậy, bà là thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông J. Do ông J sống độc thân, bà thường tới lui thăm viếng chăm sóc. Ông J chết, bà lo mai táng chôn cất trên đất nhà bà và thờ cúng ông J. Để có người quản lý nhà và hương khói ông J sau này, anh em của bà thống nhất giao bà được hưởng thừa kế di sản của ông J để lại nói trên cho bà. Riêng ông Lê Văn N1 không yêu cầu chia cũng không ký tên vào hồ sơ phân chia thừa kế nên bà không lập thủ tục mở thừa kế được.

Ngoài ra, ông J chết đột ngột, chị Huỳnh Kim N2 ở gần có quen biết với ông J. Chị N2 đến lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của ông J cất giữ. Sau khi chôn cất ông J xong bà yêu cầu chị N2 trả lại các giấy tờ của ông J nhưng chị N2 không trả với lý do lấy để khai tử, nhiều lần bà đòi lại chị N2 không trả.

Nay bà yêu cầu được chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn J chết để lại thửa số 31, tờ bản đồ ATDC8, diện tích 51,1m^2, cùng căn nhà ngang 04m, dài 10m nền lót gạch tàu, vách tường chưa tô xi măng, mái lợp tole gắn liền với đất, tọa lạc tại tổ 03, ấp O, xã E, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Buộc Huỳnh Kim N2 trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 31, tờ bản đồ ATDC8, diện tích 51,1m^2, số vào sổ CH00041, số phát hành BA 280507, sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Văn J, bà được kê khai đăng ký đứng tên thừa kế di sản nêu trên.

- *Theo bản tự khai đề ngày 05/4/2018 và lời khai quá trình giải quyết bị đơn chị Huỳnh Kim N2 trình bày*: Chị là cháu của ông Nguyễn Văn J kêu bằng cậu hai. Tại vì ông J là bà con chú bác ruột với mẹ chị. Chị ở gần nhà ông J. Hàng ngày, chị thường tới lui với ông J nên ông J thấy vậy nên thương hai mẹ con chị. Do chị không có nhà để ở nên ông J có hứa sau này khi ông chết thì cho chị phần đất và căn nhà ở để thờ cúng ông. Đến khi ông J yếu đã giao toàn bộ giấy tờ nhà đất cho chị giữ và nói là cho chị. Chị có giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của ông J. Nay chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Theo bản tự khai đề ngày 04/5/2018, Biên bản ghi lời khai ngày 04/5/2018 và lời khai quá trình giải quyết bị đơn ông Lê Văn N1 trình bày*: Ông với Lê Thị V và Nguyễn Văn J là anh em ruột. Trong đó, ông với bà V là chị em ruột cùng mẹ cùng cha, còn với ông J là anh em cùng mẹ khác cha. Việc bà V kiện yêu cầu được chia thừa kế di sản của ông J, ông không có ý kiến, không có yêu cầu và tranh chấp chia phần gì cho ông.

- *Theo bản tự khai đề ngày 04/5/2018 và lời khai quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Y trình bày*: Ông là anh ruột của Lê Thị V và Lê Văn N1, là hàng thừa kế thứ hai của Nguyễn Văn J (Chết năm 2017). Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đồng ý để cho bà V hưởng toàn bộ tài sản của ông Nguyễn Văn J chết để lại đối với thửa đất số 31, gắn liền với căn nhà tại ấp O, xã E, huyện C, tỉnh Tiền Giang, để nguyên đơn lo hương khói thờ cúng ông J. Ông không có yêu cầu chia.

- *Theo bản tự khai đề ngày 28/8/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Q là bà Đặng Thị H, chị Lê Thị S, chị Lê Huệ T1, chị Lê Thị T2, chị Lê Thị Cẩm G và anh Lê Trung F trình bày*: Chúng tôi là vợ con của ông Lê Văn Q, sinh năm 1961 (Chết ngày 20/7/2017) là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn Q là hàng thừa kế thứ hai của ông Nguyễn Văn J (Chết ngày 22/8/2017) trong vụ kiện chia thừa kế bà Lê Thị V kiện ông Lê Văn N1 và chị Huỳnh Kim N2. Chúng tôi không tranh chấp và không yêu cầu chia thừa kế kỷ phần của ông Q, đồng thời xin được vắng mặt tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ yêu cầu và ý kiến như trên.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, các đương sự và những

người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, bà V được kê khai đứng tên thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn J chết để lại là thửa đất số 31 và căn nhà gắn liền với đất; buộc chị Huỳnh Kim N2 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 31 do ông J đại diện hộ đứng tên cho bà V; Đình chỉ xét xử đối với phần bà V khởi kiện yêu cầu chị N2 trả lại giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình của ông J.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*:

- *Về đại diện ủy quyền*: Nguyên đơn bà Lê Thị V ủy quyền ông Nguyễn Văn D (Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2019). Xét việc ủy quyền của bà V là phù hợp với quy định tại Điều 138 của Bộ luật dân sự nên ông Nguyễn Văn D là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị V.

- *Về sự vắng mặt*: Bị đơn ông Lê Văn N1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Y; Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Q là bà Đặng Thị H, chị Lê Thị S, chị Lê Huệ T1, chị Lê Thị T2, chị Lê Thị Cẩm G và anh Lê Trung F có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét đơn xin xét xử vắng mặt của ông N1, ông Y, bà H, chị S, chị T1, chị T2, chị G và anh F là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt theo đơn yêu cầu của ông N1, ông Y, bà H, chị S, chị T1, chị T2, chị G và anh F.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà Lê Thị V kiện yêu cầu liên quan đến tài sản thừa kế và đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại các khoản 5, 14 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Bà Lê Thị V kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế và đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên xác định đây là tranh chấp chia thừa kế và đòi tài sản theo quy định tại các Điều 166 và Điều 649 của Bộ luật dân sự.

[2]. *Về nội dung*:

- Ông Nguyễn Văn J, sinh năm 1957 có phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông J đứng tên thửa đất số 31, tờ bản đồ ATDC8, diện tích 51,1m^2, mục đích sử dụng: ONT, do UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ CH00041, số phát hành BA 280507, gắn liền với phần đất có căn nhà ngang 04m, dài 10m nền lót gạch tàu, vách tường chưa tô xi măng, mái lợp tole, tọa lạc tại tổ 03, ấp O, xã E, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc

phần đất và căn nhà là của ông J và bà M có được trong thời gian sống chung, nên xác định thửa số 31, tờ bản đồ ATDC8, diện tích 51,1m^2 và căn nhà ngang 04m, dài 10m nền lót gạch tàu, vách tường chưa tô xi măng, mái lợp tole cất trên phần đất tọa lạc tại tổ 03, ấp O, xã E, huyện C là tài sản chung của ông J và bà M, theo quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng mỗi người được ½. Ông J, bà M đều đã chết. Qua đo đạc thực tế phần đất thửa 31 diện tích là 50,3m^2, nên xác định phần đất thửa số 31, tờ bản đồ ATDC8, diện tích 50,3m^2 và căn nhà ngang 04m, dài 10m cất trên phần đất tọa lạc tại tổ 03, ấp O, xã E, huyện C là di sản của bà M, ông J để lại.

- *Về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế*: Ông Nguyễn Văn J chết ngày 22/8/2017, bà Nguyễn Thị M chết ngày 28/02/2014. Theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với bất động sản là 30 năm, đối với động sản là 10 năm. Bà V kiện và được Tòa án thụ lý vào ngày 07/3/2018. Như vậy, vẫn còn trong thời hiệu chia thừa kế.

- Theo lời chị N2 khai đã được ông J cho toàn bộ phần đất và căn nhà là không có căn cứ. Vì chị N2 không có chứng cứ gì chứng minh đã được ông J cho như lời chị khai. Do vậy, không chấp nhận lời khai này của chị N2.

- Ông J chết ngày 22/8/2017, bà Nguyễn Thị M chết ngày 28/02/2014. Ông J và bà M chết không để lại di chúc, nên di sản của bà M và ông J được chia theo pháp luật.

- Ông J và bà M không có con. Cha ông J tên Lê Văn B', sinh năm 1927 (Chết năm 1993); Mẹ Nguyễn Thị C', sinh năm 1929 (Chết ngày 09/11/2015). Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất ông J không còn.

- Hàng thừa kế thứ hai ông J gồm:

+ Lê Văn Y, sinh năm 1954.

+ Lê Văn Q, sinh năm 1961 (Chết có vợ là Đặng Thị H và 05 người con gồm Lê Thị S, sinh năm 1983, Lê Huệ T1, sinh năm 1988, Lê Thị T2, sinh năm 1990, Lê Thị Cẩm G, sinh năm 1993 và Lê Trung F, sinh năm 1996).

+ Lê Thị V, sinh năm 1962.

+ Lê Văn N1, sinh năm 1967.

Như vậy, phần di sản của ông J được chia cho hàng thừa kế thứ hai, nhưng hàng thừa kế thứ hai của ông J gồm ông Lê Văn Y, Lê Văn N1, vợ và các con ông Q không yêu cầu chia phần. Trong đó, ông N1 đồng ý giao phần được hưởng cho bà V. Nên phần di sản của ông J là ½ thửa đất số 31, diện tích 50,3m^2 và căn nhà ngang 04m, dài 10m nền lót gạch tàu, vách tường chưa tô xi măng, mái lợp tole cất trên phần đất được chia cho bà V được hưởng thừa kế.

- Hàng thừa kế thứ nhất của bà M gồm chồng là ông Nguyễn Văn J đã chết, ông J và bà M không có con. Còn cha mẹ đẻ cũng như anh chị em ruột của bà M chưa tìm được nơi sinh sống ở đâu. Qua ghi lời khai xác minh những người lớn tuổi ở địa phương cung cấp bà M là người ở nơi khác đến nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Theo công văn số 47/CV-CAH ngày 17/12/2018 của Công an huyện C xác định theo hồ sơ nhập hộ khẩu của bà M vào hộ khẩu ông J cũng không xác định

được địa chỉ bà M trước khi chuyển đến hộ ông J. Như vậy, chưa xác định được hàng thừa kế của bà M. Bà V không thuộc hàng thừa kế được hưởng phần di sản của bà M.

Do vậy, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà V, chia phần di sản của ông J là ½ thửa đất số 31, diện tích 50,3m^2 và căn nhà ngang 04m, dài 10m nền lót gạch tàu, vách tường chưa tô xi măng, mái lợp tole cất trên phần đất cùng toàn bộ cây trồng trên phần đất được chia cho bà V được hưởng thừa kế là phù hợp quy định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự.

Đối với phần di sản của bà M hiện không có người quản lý, do bà V là người đang quản lý, nên tiếp tục giao phần di sản của bà M cho bà V tiếp tục quản lý.

Phần đất ông J, bà M để lại nhỏ, diện tích 50,3m^2. Nếu chia ra bằng hiện vật sẽ khó quản lý và dưới hạn mức sử dụng theo quy định của Luật đất đai. Do vậy, chia cho bà V được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 31, diện tích 50,3m^2 và căn nhà cất trên đất.

Trường hợp hàng thừa kế của bà M có yêu cầu thì bà V có nghĩa vụ trả lại phần di sản của bà M là ½ giá trị phần đất thửa số 31, diện tích 50,3m^2 tại thời điểm tranh chấp.

Riêng đối với căn nhà, theo Biên bản định giá tài sản ngày 15/6/2018 có giá hiện tại là 69.492.500 đồng, tiếp tục giao bà V sử dụng thời gian sử dụng lâu sẽ giảm giá trị hoặc có sửa chữa sẽ khó xác định giá sau này. Do vậy, tính theo giá thời điểm hiện tại. Trường hợp hàng thừa kế của bà M có yêu cầu thì bà V có nghĩa vụ trả lại phần di sản của bà M là ½ giá trị căn nhà số tiền là 34.746.250 đồng.

- Ngoài ra, sau khi ông J chết, chị N2 có giữ của ông J 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 280507, số vào sổ cấp GCN: CH00041 do UBND huyện C cấp ngày 12/12/2011 do ông Nguyễn Văn J đứng tên quyền sử dụng đất thửa số 31, diện tích 51,1m^2, tờ bản đồ số ATDC8, bà V có yêu cầu chị N2 trả lại toàn bộ các loại giấy tờ trên cho bà. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà V rút lại yêu cầu khởi kiện phần đòi lại giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông J. Xét việc rút phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, chị N2 cũng không ý kiến gì, nên đình chỉ xét xử đối với phần bà V kiện yêu cầu chị N2 trả lại 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy chứng minh nhân dân là phù hợp với Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị N2 đang giữ. Xét thấy đây là giấy chứng nhận quyền về tài sản là phần đất của ông J. Nay ông J đã chết và phần đất được chia cho bà V, nên bà V yêu cầu chị N2 trả lại là có căn cứ, nên chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện này của bà V. Buộc chị N2 trả cho bà V 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 280507, số vào sổ cấp GCN: CH00041 do UBND huyện C cấp ngày 12/12/2011 do ông Nguyễn Văn J đứng tên quyền sử dụng đất thửa số 31, diện tích theo giấy 51,1m^2, tờ bản đồ số ATDC8.

[3]. *Về án phí:* Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế và đòi tài sản của bà V, nên bà V phải chịu án phí theo giá trị tài sản được chia; Chị N2 phải chịu án phí về phần trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Ông N1

phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về phần chia cho bà V được hưởng thừa kế toàn bộ thửa đất số 31 và căn nhà cất trên đất là trái với nhận định trên của Hội đồng xét xử. Vì phần đất thửa số 31 và căn nhà trên đất là tài sản chung của ông J và bà M mỗi người được ½. Bà M chết ngày 28/02/2014, thời hiệu chia di sản thừa kế của bà M vẫn còn. Bà V không thuộc hàng thừa kế được hưởng phần di sản của bà M, nên không chấp nhận phần đề nghị này của Kiểm sát viên. Chấp nhận các đề nghị còn lại của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 166, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 623 của Bộ luật dân sự.

- Khoản 5, 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 138, Điều 147, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Lê Thị V.

- Chia cho bà Lê Thị V được hưởng thừa kế và quản lý, sử dụng, sở hữu toàn bộ thửa đất số 31, tờ bản đồ ATDC8, diện tích 50,3m^2, mục đích sử dụng: ONT theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH00041, số phát hành BA 280507, do UBND huyện C cấp ngày 12/12/2011 do ông Nguyễn Văn J đứng tên gắn liền với phần đất có căn nhà ngang 04m, dài 10m nền lót gạch tàu, vách tường chưa tô, mái lợp tole cùng toàn bộ cây trồng trên phần đất, tọa lạc tại tổ 03, ấp O, xã E, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Phần đất chia cho bà V được hưởng thừa kế có tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp Trần Thị Z có số đo 2,34m + 1,46m + 9,05m.

+ Hướng Tây giáp hẻm (Đường di công cộng) có số đo 2,37m + 1,46m + 9,03m.

+ Hướng Nam giáp đường Huyện 78 có số đo 4,11m.

+ Hướng Bắc giáp Huỳnh Kim W có số đo 3,82m.

(Kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 15/6/2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc ĐH (Bản photo)).

- Trường hợp các hàng thừa kế không lập thủ tục chia đất thì bà Lê Thị V được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định bản án.

2. Buộc chị Huỳnh Kim N2 trả cho bà Lê Thị V 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 280507, số vào sổ cấp GCN: CH00041 do UBND huyện C cấp ngày 12/12/2011 do ông Nguyễn Văn J đứng tên quyền sử dụng đất thửa số 31, diện tích theo giấy 51,1m^2, tờ bản đồ số ATDC8.

Thời hạn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Giao cho bà Lê Thị V giữ phần di sản của bà Nguyễn Thị M gồm số tiền là 34.746.250 đồng (½ giá trị căn nhà) và ½ giá trị phần đất thửa số 31, diện tích đo đạc thực tế là 50,3m^2.

4. Đình chỉ xét xử đối với phần bà V kiện yêu cầu chị N2 trả lại 01 sổ hộ khẩu và 01 giấy chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Văn J.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị V phải chịu 3.243.063 đồng giá trị tài sản được chia, được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 08278 ngày 07/3/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, bà V phải nộp tiếp tiền án phí là 2.243.063 đồng.

- Ông Lê Văn N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Huỳnh Kim N2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày truyên án. Riêng đối với những đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM VĂN NHỊN